

Phụ biểu A.01: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Báo cáo số: 553/BC-UBND ngày 03/7/2026 của UBND phường Tam Thanh)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT  | Danh mục dự án                                                                                                                                                              | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                        |         |          | Quyết toán dự án                         |            | Đã bố trí vốn đến 31/12/2025 |           |       |                          | Kế hoạch vốn năm 2026 |           |                      |                           | Giá trị Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 30/6/2026 |                    | Giá trị giải ngân KH2026 đến 30/6/2026 |                          |                      |                           |    | Ghi chú |       |    |                                         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|------------------------------------------|---------|----------|------------------------------------------|------------|------------------------------|-----------|-------|--------------------------|-----------------------|-----------|----------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------------------------|----|---------|-------|----|-----------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                             |                   |                   |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT    |          | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Giá trị QT | Tổng số                      | Trong đó: |       |                          | Tổng số               | Trong đó: |                      |                           | Tổng số                                                 | Trong đó: năm 2026 | Tổng số                                | Trong đó:                |                      |                           |    |         |       |    |                                         |
|     |                                                                                                                                                                             |                   |                   |                 |                                          | Tổng số | Trong đó |                                          |            |                              | NSTW      | NS xã |                          |                       | NSTW      | NS xã                |                           |                                                         |                    |                                        |                          |                      |                           |    |         |       |    |                                         |
|     |                                                                                                                                                                             |                   |                   |                 |                                          |         | NSTW     |                                          |            |                              |           | NSDP  | Vốn đầu tư trong cân đối |                       |           | Thu tiền sử dụng đất | Tăng thu tiền sử dụng đất |                                                         |                    |                                        | Vốn đầu tư trong cân đối | Thu tiền sử dụng đất | Tăng thu tiền sử dụng đất |    |         |       |    |                                         |
| A   | B                                                                                                                                                                           | C                 | D                 | E               | E                                        | 1       | 2        | 3                                        | 4          | 5                            | 6         | 7     | 8                        | 9                     | 10        | 11                   | 12                        | 13                                                      | 14                 | 15                                     | 16                       | 17                   | 18                        | 19 | 20      | 21    | 22 | 24                                      |
|     | TỔNG SỐ=I+II+III+IV                                                                                                                                                         |                   |                   |                 |                                          | 74.500  | -        | 74.500                                   | -          | -                            | 796       | -     | -                        | 796                   | -         | 18.125               | -                         | 2.400                                                   | 12.325             | 3.400                                  | 5.721                    | 4.924                | 4.545                     | -  | 1.570   | 2.976 | -  | 25,1%                                   |
| I   | Trích nộp quỹ đất tỉnh                                                                                                                                                      |                   |                   |                 |                                          | 1.573   |          | 1.573                                    |            |                              | -         |       |                          |                       |           | 1.573                |                           |                                                         | 1.233              | 340                                    | 1.233                    | 1.233                | 1.233                     |    |         | 1.233 |    |                                         |
| II  | Công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chính lý hồ sơ địa chính thường xuyên...                        |                   |                   |                 |                                          | 1.573   |          | 1.573                                    |            |                              | -         |       |                          |                       |           | 1.573                |                           |                                                         | 1.233              | 340                                    | -                        | -                    |                           |    |         |       |    |                                         |
| III | Dự án khởi công mới 2026                                                                                                                                                    |                   |                   |                 |                                          | 22.355  | -        | 22.355                                   | -          | -                            | 796       | -     | -                        | 796                   | -         | 12.280               | -                         | 2.400                                                   | 7.160              | 2.720                                  | 4.138                    | 3.342                | 3.313                     | -  | 1.570   | 1.743 | -  |                                         |
| 1   | Cải tạo vỉa hè đường Trần Đăng Ninh (đoạn từ đường Văn Tiến Dũng đến QL 1A) và vỉa hè, mặt đường, hệ thống thoát nước đường ĐT 234 (đoạn từ số 759 đến đường sắt KM153+088) | PTT               | GT, cấp IV        | 2026-2028       | 1095/QĐ-UBND ngày 26/12/2025             | 9.350   |          | 9.350                                    |            |                              | 396       |       |                          | 396                   |           | 4.820                |                           | 2.100                                                   |                    | 2.720                                  | 1.966                    | 1.570                | 1.570                     |    | 1.570   |       |    |                                         |
| 2   | Cải tạo vỉa hè đường Lê Hồng Phong (đoạn từ ngã 6 đến ngã tư phố Muối) và vỉa hè đường Bến Bắc (đoạn từ ngã tư phố Muối đến cầu Bến Bắc), phường Tam Thanh                  | PTT               | GT, cấp IV        | 2026-2028       | 1096/QĐ-UBND ngày 26/12/2025             | 7.208   |          | 7.208                                    |            |                              | 316       |       |                          | 316                   |           | 2.502                |                           |                                                         | 2.502              |                                        | 1.603                    | 1.287                | 1.287                     |    |         | 1.287 |    |                                         |
| 3   | Thoát nước đường Trần Đăng Ninh (đoạn từ số 750 đến đường sắt khu đô thị Nam Hoàng Đồng)                                                                                    | PTT               | GT, cấp IV        | 2026-2027       | 976a/QĐ-UBND ngày 11/12/2025             | 1.281   |          | 1.281                                    |            |                              | 84        |       |                          | 84                    |           | 1.348                |                           |                                                         | 1.348              |                                        | 405                      | 322                  | 322                       |    |         | 322   |    |                                         |
| 4   | Xây dựng Nhà văn hóa và sân thể thao khối Pàn Pè, phường Tam Thanh                                                                                                          | PTT               | DD, cấp III       | 2026-2028       | 1053/QĐ-UBND ngày 26/12/2026             | 3.016   |          | 3.016                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 3.310     |                      |                           | 3.310                                                   |                    | 164                                    | 164                      | 135                  |                           |    | 135     |       |    |                                         |
| 5   | Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn                                                                                                                               | PTT               | GT, cấp ...       | 2026-2030       |                                          | 1.500   |          | 1.500                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                      | 300                       |                                                         |                    | -                                      |                          | -                    |                           |    |         |       |    | Dùng thực hiện                          |
| IV  | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                                                                                                                       |                   |                   |                 |                                          | 49.000  | -        | 49.000                                   | -          | -                            | -         | -     | -                        | -                     | -         | 2.700                | -                         | -                                                       | 2.700              | -                                      | 350                      | 350                  | -                         | -  | -       | -     | -  |                                         |
| 1   | Mở rộng, nâng cấp điểm trường Khuổi Khuộc, trường Tiểu học Hoàng Đồng                                                                                                       | PTT               | DD, cấp III       | 2027-2028       |                                          | 9.000   |          | 9.000                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                      |                           | 300                                                     |                    | 100                                    | 100                      | -                    |                           |    |         |       |    |                                         |
| 2   | Thoát nước đường Ba Sơn (khối Đồi Chè; Pàn Pè)                                                                                                                              | PTT               | CTTN              | 2027-2028       |                                          | 5.000   |          | 5.000                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                      |                           | 300                                                     |                    | 100                                    | 100                      | -                    |                           |    |         |       |    | ĐK giám                                 |
| 3   | Xây dựng nhà văn hóa và sân thể thao khối Bán Viên, phường Tam Thanh                                                                                                        | PTT               | DD, cấp III       | 2027-2028       |                                          | 2.500   |          | 2.500                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                      |                           | 300                                                     |                    | -                                      |                          | -                    |                           |    |         |       |    | ĐK giám                                 |
| 4   | Xây dựng nhà văn hóa và sân thể thao khối Hoàng Trung, phường Tam Thanh                                                                                                     | PTT               | DD, cấp III       | 2027-2028       |                                          | 2.900   |          | 2.900                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                      |                           | 300                                                     |                    | -                                      |                          | -                    |                           |    |         |       |    | ĐK giám                                 |
| 5   | Xây dựng Nhà văn hóa khối Nà Sèn, phường Tam Thanh                                                                                                                          | PTT               | DD, cấp III       | 2027-2028       |                                          | 2.500   |          | 2.500                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                      |                           | 300                                                     |                    | -                                      |                          | -                    |                           |    |         |       |    | ĐK giám                                 |
| 6   | Xây dựng Nhà văn hóa khối Nà Pàn, phường Tam Thanh                                                                                                                          | PTT               | DD, cấp III       | 2027-2028       |                                          | 2.300   |          | 2.300                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                      |                           | 300                                                     |                    | -                                      |                          | -                    |                           |    |         |       |    | Đư kiến dùng thực hiện do sát nhập khối |

| TT | Danh mục dự án                                      | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư                        |         |          | Quyết toán dự án                         |            | Đã bố trí vốn đến 31/12/2025 |           |       |                          | Kế hoạch vốn năm 2026 |           |                           |                          | Giá trị Khối lượng thực hiện từ khởi công đến 30/6/2026 |                           | Giá trị giải ngân KH2026 đến 30/6/2026 |           |                          |                      | Ghi chú |                           |                 |
|----|-----------------------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|------------------------------------------|---------|----------|------------------------------------------|------------|------------------------------|-----------|-------|--------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|-----------|--------------------------|----------------------|---------|---------------------------|-----------------|
|    |                                                     |                   |                   |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | TMDT    |          | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành | Giá trị QT | Tổng số                      | Trong đó: |       |                          | Tổng số               | Trong đó: |                           |                          | Tổng số                                                 | Trong đó: năm 2026        | Tổng số                                | Trong đó: |                          |                      |         |                           |                 |
|    |                                                     |                   |                   |                 |                                          | Tổng số | Trong đó |                                          |            |                              | NSTW      | NS xã |                          |                       | NSTW      | NS xã                     |                          |                                                         |                           |                                        | NSTW      | NS xã                    |                      |         |                           |                 |
|    |                                                     |                   |                   |                 |                                          |         | NSTW     |                                          |            |                              |           | NSDP  | Vốn đầu tư trong cân đối | Thu tiền sử dụng đất  |           | Tăng thu tiền sử dụng đất | Vốn đầu tư trong cân đối | Thu tiền sử dụng đất                                    | Tăng thu tiền sử dụng đất |                                        |           | Vốn đầu tư trong cân đối | Thu tiền sử dụng đất |         | Tăng thu tiền sử dụng đất |                 |
| 7  | Cải tạo, mở rộng đường Nà Trang A, phường Tam Thanh | PTT               | DD, cấp III       | 2027-2028       |                                          | 18.800  |          | 18.800                                   |            |                              | -         |       |                          |                       | 600       |                           |                          | 600                                                     |                           | 150                                    | 150       | -                        |                      |         |                           | Đề nghị tinh DT |
| 8  | Nhà sản khuôn viên Hồ Phai Loạn                     | PTT               | DD, cấp III       | 2027-2029       |                                          | 6.000   |          | 6.000                                    |            |                              | -         |       |                          |                       | 300       |                           |                          | 300                                                     |                           | -                                      | -         | -                        |                      |         |                           | Dừng thực hiện  |

(Kèm theo Báo cáo số: 553/BC-UBND ngày 03/7/2026 của UBND phường Tam Thanh)

[illegible]